

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,234,473,032,752	1,243,001,577,612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13,633,751,689	46,573,662,231
1. Tiền	111		13,633,751,689	22,944,092,231
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	23,629,570,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		839,381,997	3,411,544,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	988,103,451	3,808,256,322
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(148,721,454)	(396,712,322)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109,716,216,263	126,904,518,489
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	94,950,569,398	121,250,179,569
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	7,198,743,970	4,620,870,808
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	14,669,003,901	7,538,571,114
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(7,102,101,006)	(6,505,103,002)
IV. Hàng tồn kho	140		1,072,226,175,220	1,022,724,015,592
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,076,998,565,186	1,039,592,506,482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4,772,389,966)	(16,868,490,890)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38,057,507,583	43,387,837,300
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	570,055,500	303,321,003
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20,136,802,117	25,159,352,833
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3,506,795
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	17,350,649,966	17,921,656,669

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		801,053,423,642	565,995,928,856
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		801,157,941,891	565,927,451,061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	78,804,597,808	66,094,314,831
<i>Nguyên giá</i>	222		126,394,510,856	104,113,926,229
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(47,589,913,048)	(38,019,611,398)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11		-
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	60,536,285,660	61,330,504,989
<i>Nguyên giá</i>	228		62,961,546,808	62,961,546,808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,425,261,148)	(1,631,041,819)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	661,817,058,423	438,502,631,241
III. Bất động sản đầu tư	240			-
<i>Nguyên giá</i>	241			-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		(194,518,250)	68,477,795
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	68,477,795	68,477,795
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(262,996,045)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		90,000,000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		90,000,000	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15		-
VI. Lợi thế thương mại	269			-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,035,526,456,394	1,808,997,506,468

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,275,422,029,194	1,045,389,904,396
I. Nợ ngắn hạn	310		1,073,882,580,608	959,533,025,516
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	794,237,733,395	667,955,185,823
2. Phải trả người bán	312	V.17	194,362,992,731	229,180,511,808
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	4,428,908,031	5,574,408,555
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	69,038,384,326	35,386,337,202
5. Phải trả người lao động	315	V.20	1,495,678,240	215,977,969
6. Chi phí phải trả	316	V.21	162,498,025	4,324,115,833
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	4,846,767,006	12,131,101,125
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	5,309,618,854	4,765,387,201
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		201,539,448,586	85,856,878,880
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	201,213,149,486	85,530,579,780
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		326,299,100	326,299,100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		760,104,427,200	763,607,602,072
I. Vốn chủ sở hữu	410		760,104,427,200	763,607,602,072
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	501,360,900,000	501,360,900,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	160,852,283,540	160,852,283,540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(58,638,685,584)	(58,638,685,584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	247,207,664
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25,358,534,309	17,239,269,021
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,632,796,366	1,866,469,837
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		128,538,598,569	140,680,157,594
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,035,526,456,394	1,808,997,506,468

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

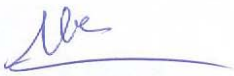
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

3 CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2012



Vũ Thị Vui
Người lập



Nguyễn Thị Phước Diên
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	316,705,800,063	365,232,990,816	1,028,893,205,917	1,600,789,414,700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1,106,343,398	351,937,794	2,722,029,842	1,749,109,282
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	315,599,456,665	364,881,053,022	1,026,171,176,075	1,599,040,305,418
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	269,289,254,551	314,558,707,007	903,880,893,062	1,284,598,381,255
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46,310,202,114	50,322,346,015	122,290,283,013	314,441,924,163
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	258,954,158	112,110,389	2,616,147,839	7,703,283,129
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18,537,723,906	12,204,615,776	65,213,198,658	92,842,323,932
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17,417,707,865	11,864,929,132	62,690,941,168	56,656,213,612
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3,075,664,766	1,697,025,641	8,897,024,110	12,313,072,836
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8,198,512,017	5,968,563,502	25,092,352,834	20,038,501,361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,757,255,583	30,564,251,485	25,703,855,250	196,951,309,163
11. Thu nhập khác	31	VI.7	234,058,913	1,053,936,114	10,732,489,891	1,077,025,730
12. Chi phí khác	32	VI.8	31,949,947	67,588,473	11,305,486,616	608,960,326
13. Lợi nhuận khác	40		202,108,966	986,347,641	(572,996,725)	468,065,404
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,959,364,549	31,550,599,126	25,130,858,525	197,419,374,567
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	419,588,991	2,723,704,225	562,631,699	17,670,779,438
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	(386,704,946)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,539,775,559	28,826,894,901	24,954,931,773	179,748,595,129

18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số

Báo cáo này phải được đọc cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		62	16,539,775,559	28,826,894,901	24,954,931,773	179,748,595,129
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	353	599	532	3,736

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2012


Vũ Thị Vui
Người lập


Nguyễn Thị Phước Diên
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25,130,858,525	197,419,374,567
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		10,364,520,979	9,551,508,796
- Các khoản dự phòng	03		(11,747,093,788)	437,275,737
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1,472,133,028)	4,350,456,021
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,295,879,362)	(2,153,825,633)
- Chi phí lãi vay	06		62,690,941,168	56,672,770,168
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		83,671,214,494	266,277,559,656
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15,788,696,971)	(21,696,585,646)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37,406,058,704)	433,135,896,381
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12,477,224,133)	111,213,685,178
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(356,734,497)	(59,170,903)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V4	(62,690,941,168)	(54,037,330,389)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	-	(24,770,594,540)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.8; V.23	497,552,449,214	494,766,841,387
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.8; V.23	(501,809,695,399)	(513,489,471,231)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(49,305,687,164)	691,340,829,893
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V12,V14,V15	(189,960,944,855)	(160,310,393,352)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5,773,861,325	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1,808,256,322)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2,066,052,205
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được cl	27		1,195,355,214	2,153,825,633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(180,991,728,316)	(157,898,771,836)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

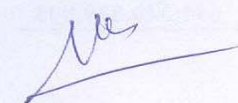
Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.24		(58,508,685,584)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V17,V24	1,332,772,453,533	985,543,479,031
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V17,V24	(1,088,461,731,349)	(1,299,008,933,688)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.16;	-	(850,399,999)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46,953,830,000)	(145,000,284,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		197,356,892,184	(517,824,824,240)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(32,940,523,296)	15,617,233,817
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	46,573,662,231	8,989,444,891
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		612,754	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	13,633,751,689	24,606,678,708

Bình Dương, ngày tháng 11 năm 2012



Vũ Thị Vui
Người lập



Nguyễn Thị Phước Diên
Kê toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 01 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 3 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất chính: sản xuất thép cán nóng P/O, thép cán nguội, ống thép, xà gỗ thép, mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép lá mạ màu;
- Mua bán sắt thép các loại, vật tư, nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng;
- Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê kho bãi;
- Sản xuất, lắp dựng các cấu kiện sắt thép, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Xây dựng nhà các loại;
- Thi công hệ thống điện nước công trình;
- Vận chuyển hàng hóa nội bộ;
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình; Đúc sắt thép;
- Chế biến nông sản;
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt;
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng;
- Dịch vụ giao nhận; Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dân cư đô thị; Cho thuê kho bãi.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

		Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương		
2.	Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Cơ khí và xây dựng DTL	Ô 13C, lô CN3, đường N5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%

1.5. Nhân Viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 Tập đoàn có 540 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 538 nhân viên).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc, báo cáo tài chính các công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc

14 - 20 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm
+ Tài sản cố định vô hình – Phần mềm máy tính	08 năm
+ Tài sản cố định vô hình – quyền sử dụng đất có thời hạn	39 – 48 năm

4.7. Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Quý khách thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.
- Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:
 - Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (2004, 2005) và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2005 đến năm 2011).
 - Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2014).
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	287.157.730	648.279.926
Tiền gửi ngân hàng	13.346.593.659	22.295.812.305
Các khoản tương đương tiền	-	23.629.570.000
Tổng cộng	13.633.751.689	46.573.662.231

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	1.808.256.322
Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.000.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	988.103.451	3.808.256.322
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(148.721.454)	(396.712.322)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	839.381.997	3.411.544.000

Cổ phiếu ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	113.430	988.103.451	189.613	1.808.256.322

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty CP Đông Hải Bến Tre là do Công ty đã bán bớt cổ phiếu trong kỳ.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	94.950.569.398	121.250.179.569
Trả trước cho người bán	7.198.743.970	4.620.870.808
Các khoản phải thu khác	14.669.003.901	7.538.571.114
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	116.818.317.269	133.409.621.491
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.102.101.006)	(6.505.103.002)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	109.716.216.263	126.904.518.489

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng tại Công ty CP Đại Thiên Lộc	55.578.343.258	121.030.095.761
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	39.200.681.292	-
Phải thu khách hàng tại Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	171.544.848	220.083.808
Cộng	94.950.569.398	121.250.179.569

Trong khoản phải thu khách hàng có khoản phải thu từ các bên liên quan là 1.921.198.253 đồng – Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

Thuế GTGT đề nghị hoàn	11.959.051.942	
Tiền cho công nhân viên vay	627.744.750	630.494.750
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	444.938.794	5.495.266.731
Phải thu khác	1.637.268.415	1.412.809.633
Cộng	14.669.003.901	7.538.571.114

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	(41.102.233)	(268.074.094)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(162.928.284)	-
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(376.863.173)	(1.461.658.498)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.521.207.316)	(4.775.370.410)
Cộng	(7.102.101.006)	(6.505.103.002)

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	161.506.161.534	147.039.070.840
Công cụ, dụng cụ	4.966.725.036	6.686.620.259
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.257.637.004	1.372.068
Thành phẩm	383.238.155.950	356.270.895.591
Hàng hóa	525.29.885.662	529.594.547.724
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.076.998.565.186	1.039.592.506.482
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.772.389.966)	(16.868.490.890)
Giá trị thuần có thể thực hiện	1.072.226.175.220	1.022.724.015.592

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ là 12.096.100.924 đồng, do hàng lập dự phòng đã được bán trong kỳ.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	130.385.758	121.280.419
Tạm ứng	2.219.768.942	1.262.134.027

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.495.266	16.538.242.223
Tổng cộng	17.350.649.966	17.921.656.669

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
ĐVT: ngàn đồng						
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	16.931.484	51.287.193	34.300.742	1.507.507	87.000	104.113.926
Mua trong kỳ	-	3.690.146	-	153.000	-	3.824.646
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	27.053.023	-	524.335	1.225.111	28.461.736
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.365.030)	-	-	-	(10.341.697)
Số dư cuối kỳ	16.931.484	71.665.332	34.300.742	2.184.842	1.312.111	126.394.511
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.231.534	21.106.538	9.851.869	806.471	23.200	38.019.611
Khấu hao trong kỳ	893.816	5.601.856	3.117.115	315.924	93.785	7.019.464
Thanh lý, nhượng bán	-	(421.118)	-	-	-	(421.118)
Giảm khác	-	(40.211)	-	-	-	(40.211)
Phân loại lại	-	9.134	(9.134)	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.125.350	26.256.199	12.968.984	1.122.395	116.985	47.589.913
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10.699.950	30.171.521	24.458.007	701.036	63.800	66.094.315
Tại ngày cuối kỳ	9.806.134	45.409.133	21.331.758	1.062.447	1.195.126	78.804.598

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản là 16.779.345.928 đồng đã được dùng thế chấp cho các khoản vay là – Xem thêm mục 5.9 và 5.16.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.080.937.488 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.608.217.073	22.824.746	1.631.041.819
Khấu hao trong kỳ	785.660.050	8.559.279	794.219.629
Phân loại lại	(11.412.372)	11.412.372	-
Số dư cuối kỳ	2.382.464.751	42.796.397	2.425.261.148
Giá trị còn lại			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tại ngày đầu năm	61.262.030.735	68.474.254	61.330.504.989
Tại ngày cuối kỳ	60.487.782.057	48.502.603	60.536.285.660

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Máy móc, dây chuyền sản xuất	548.889.050.394	335.063.104.269
Công trình văn phòng, nhà xưởng, hệ thống điện	111.802.384.602	102.214.416.391
Công trình tường rào tại Xí nghiệp cơ khí	-	1.225.110.581
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.125.623.427	-
Tổng cộng	661.817.058.423	438.502.631.241

Giá trị xây dựng cơ bản dở dang công trình văn phòng nhà xưởng, máy móc thiết bị và công trình văn phòng đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn— Xem thêm mục 5.16.

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	742.535.481.163	627.432.881.903
Vay đối tượng khác	48.841.097.232	2.715.227.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.861.155.000	37.807.076.920
Tổng cộng	794.237.733.395	667.955.185.823

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu và được đảm bảo bằng hàng tồn kho và tài sản cố định

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	194.362.92.731	229.180.511.808
Người mua trả tiền trước	4.428.908.031	5.574.408.555
Tổng cộng	198.791.900.762	234.754.920.363

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán tại Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	69.609.456.310	162.812.016.924
Phải trả người bán tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	124.753.536.421	66.368.494.884
Cộng	194.362.992.731	229.180.511.808

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	43.715.808.893	11.166.059.246
Thuế xuất, nhập khẩu	6.181.637.962	5.393.908.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.428.404.702	15.285.823.994

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thuế thu nhập cá nhân	3.712.532.769	3.540.545.553
Tổng cộng	69.038.384.326	35.386.337.202

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả lương tháng 9 năm 2012.

5.13. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí lãi vay		4.319.814.141
Chi phí khác	162.498.025	4.301.692
Tổng cộng	162.498.025	4.324.115.833

Trong đó, chi phí lãi vay phải trả cho các bên liên quan là 1.532.139.351 đồng – Xem thêm mục 8.

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	114.377.625	221.114.989
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	442.060.251	810.948.993
Phải trả tiền mượn	164.506.367	5.374.742.200
Cổ tức phải trả		1.890.253.660
Doanh thu chưa thực hiện	-	762.404.537
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.125.822.763	3.071.636.746
Tổng cộng	4.846.767.006	12.131.101.125

5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	4.765.387.201	934.559.553
Trích lập trong kỳ	5.051.559.173	7.286.406.742
Tăng khác	3.600.000	54.853.500
Sử dụng trong kỳ	(4.510.927.520)	(2.843.811.970)
Số dư cuối kỳ	5.309.618.854	5.432.007.825

5.16. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ

Các khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay

5.16.1. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu Năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	187.697.270.000	37,44	82.500.000.000	16,46
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	71.817.750.000	14,32	41.250.000.000	8,23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Vốn góp của các đối tượng khác	241.845.880.000	48,24	377.610.900.000	75,31
Tổng cộng	501.360.900.000	100,00	501.360.900.000	100,00

5.16.2. Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 (10%/mệnh giá) với số tiền 46.908.230.000 đồng.

5.16.3. Cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	46.908.250	46.908.250
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	24.954.931.773	179.748.595.129
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	46.908.250	48.118.353
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	532	3.736

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán và cung cấp dịch vụ	1.028.893.205.917	1.600.789.414.700
Các khoản giảm trừ	(2.722.029.842)	(1.749.109.282)
Doanh thu thuần	1.026.171.176.075	1.599.040.305.418

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng cộng	903.880.892.061	1.284.598.381.255

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng cộng	2.616.147.839	7.703.283.129

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	62.690.941.168	56.656.213.612
Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.770.248.358	36.186.110.320
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(247.990.868)	-
Tổng cộng	65.213.198.658	92.842.323.932

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng cộng	8.897.024.110	12.313.072.836

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng cộng	25.092.352.834	20.038.501.361

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	10.182.297.323	-
Thu nhập khác	550.192.568	608.960.326
Tổng cộng	10.732.489.891	608.960.326

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.920.579.331	-
Khấu hao tài sản cố định không hoạt động	1.301.168.121	-
Chi phí khác	83.739.164	608.960.326
Tổng cộng	11.305.486.616	608.960.326

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

Tên Công ty	Thuế suất thuế TNDN kỳ này
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	+ Hoạt động thương mại 20%
	+ Hoạt động sản xuất 15% và giảm 50%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Đang được miễn thuế
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	25%
Công ty TNHH MTV Cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	25%

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ được trình bày như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lợi nhuận chưa thực hiện từ
giao dịch bán hàng nội bộ

Số dư đầu năm nay

-

Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong kỳ

386.704.946

Số dư cuối kỳ

386.704.946

6.10. Biến động kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/2012	Quý 3/2011	Chênh lệch	So sánh
	Doanh thu thuần	315.599.456.665	364.881.053.022	(49.281.596.357)	(13,51%)
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.539.775.559	28.826.894.901	(12.287.119.342)	(42,62%)

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3/2012 giảm so với quý 3/2011 là 12.287.119.342 đ tương ứng 42,62%, nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng từ khó khăn chung của nền kinh tế làm sức tiêu dùng giảm và chi phí đầu vào tăng cao.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty

Mối quan hệ

1. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc

Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

3. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

PGĐ Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu	1.921.198.253	1.921.198.253
Phải trả tiền vay - Xem thêm mục 5.9	56.511.027.141	-
Phải trả lãi vay - Xem thêm mục 5.13	1.993.733.394	-

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Vay trong kỳ	71.657.845.349	-
Trả tiền vay trong kỳ	15.146.818.208	-
Chi phí lãi vay	1.993.733.394	-

- Tập đoàn cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất 1,65%/tháng đối với VND. Khoản vay này được bảo đảm và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

Kỳ này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thù lao Hội đồng Quản trị

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc

977.078.000

Tổng cộng

977.078.000

8. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	01/01/2012	30/6/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	5.705.682,14	3.545.716,47	478.422,88	363.866,97
Euro (EUR)	-	-	100,27	100,27

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và đồng ý phát hành.

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN



NGUYỄN THANH NGHĨA